

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Lê Thị Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 17/4/2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị T; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038190029453

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Anh Quách Văn H; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038089040956

Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2025, chị Đinh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn H kết hôn tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/06/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tình tính không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Thành L, sinh ngày 07/05/2011. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con. Chị đề nghị được giao cháu Quách Thành L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2026, anh Quách Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời điểm đó anh bị thất nghiệp, không có thu nhập nên vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh mong chị T rút đơn để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Quách Văn H, anh H cư trú tại xã V, tỉnh Thanh Hóa nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả phiên họp cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[6]. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Quách Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/06/2010 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là

hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ với nhau trong công việc nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị T và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2025 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị T và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh H mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Quách Văn H.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Hiện nay cháu L đang ở với anh H, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

[8]. Về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Quách Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Thành L, sinh ngày 07/5/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số *BLTU/26E/0001229*, ngày 24/02/2026. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Đinh Thị T và anh Quách Văn H. Chị Th và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**